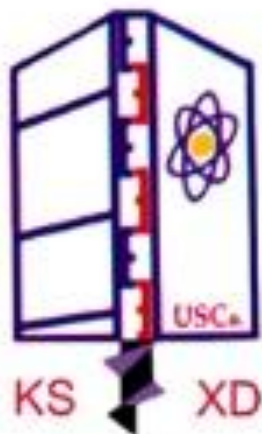


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2015)

Địa chỉ: Số nhà 91, phố Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438252725; Fax: 02438245708; Website: <http://www.usco.vn>

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Khảo sát và xây dựng – USCO

Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: *Số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2015.*
- Vốn điều lệ: *55.000.000.000 đồng*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *55.000.000.000 đồng*
- Địa chỉ: *Số 91 Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
- Số điện thoại: *(84-24). 38252725*
- Số fax: *(84-24). 38245708*
- Website: *<http://www.usco.vn>, <http://www.usco.com.vn>*
- Mã cổ phiếu (nếu có): **USC**

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO trước kia là Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng. Trước tháng 7/2006 Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, từ ngày 21/7/2006 Công ty trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Viện Khảo sát địa chất trực thuộc Bộ Kiến trúc (Nay là Bộ Xây dựng) được thành lập ngày 06/10/1960 theo Quyết định số 746/BKT ngày 06/10/1960 của Bộ Kiến trúc.

Ngày 14/4/1964 được chuyển Viện Khảo sát địa chất thành Viện Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) theo Quyết định số 415/BKT ngày 14/4/1964 của Bộ Kiến trúc.

Từ 30/5/1975 chuyển Viện Khảo sát đo đạc thành Công ty Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ theo Quyết định số 292/BXD ngày 30/5/1975 Bộ Xây dựng.

Từ tháng 8/1976 chia tách Công ty Khảo sát đo đạc thành 2 Công ty: Công ty Khảo sát Vật liệu xây dựng và Công ty Khảo sát đo đạc.

Từ 07/7/1978 Thành lập Liên hiệp các xí nghiệp Khảo sát xây dựng trên cơ sở hợp nhất hai Công ty (Khảo sát vật liệu xây dựng và Khảo sát đo đạc) theo Quyết định số 1187/BXD-TCCB ngày 07/7/1978 của Bộ Xây dựng. Tên tiếng Anh là Union of Survey Companies, tên viết tắt là USCO.

Từ 06/01/1996 thành lập Công ty Tư vấn Khảo sát đo đạc trên cơ sở chấm dứt hoạt động của Liên hiệp các xí nghiệp khảo sát xây dựng theo Quyết định số 17/BXD-TCLĐ ngày 06/01/1996 của Bộ Xây dựng (USCO).

Từ 19/3/1997 đổi tên Công ty Tư vấn Khảo sát và đo đạc thành Công ty Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 166/BXD-TCLĐ ngày 19/3/1997 của Bộ Xây dựng.

Từ 11/5/2004 chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 11/5/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ 04/10/2004 sửa đổi tên đầy đủ Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 1546/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ ngày 21/7/2006 Chuyển Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng sang trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày 21/7/2006 của Bộ Xây dựng.

Ngày 26/9/2014, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành công ty cổ phần theo quyết định số 1190/QĐ-BXD và được điều chỉnh bởi Quyết định 1526/QĐ-BXD ngày 23/12/2014 của Bộ Xây dựng.

Ngày 10/12/2014, Công ty đã tổ chức thành công bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong đó:

- Số cổ phần đưa ra đấu giá: 1.618.500 cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần bán được 1.618.500 cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 10.111 đồng/cổ phần
- Tổng số nhà đầu tư trúng giá: 24 NĐT
- Tổng giá trị cổ phần bán được: 16.364.950.000 đồng

Ngày 31/12/2014, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

Ngày 12/01/2015, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát và Xây dựng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107123, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng.

Ngày 8/12/2016, Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8055/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 5/01/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 07/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.500.000 cổ phiếu.

Ngày 6/02/2017, Công ty chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

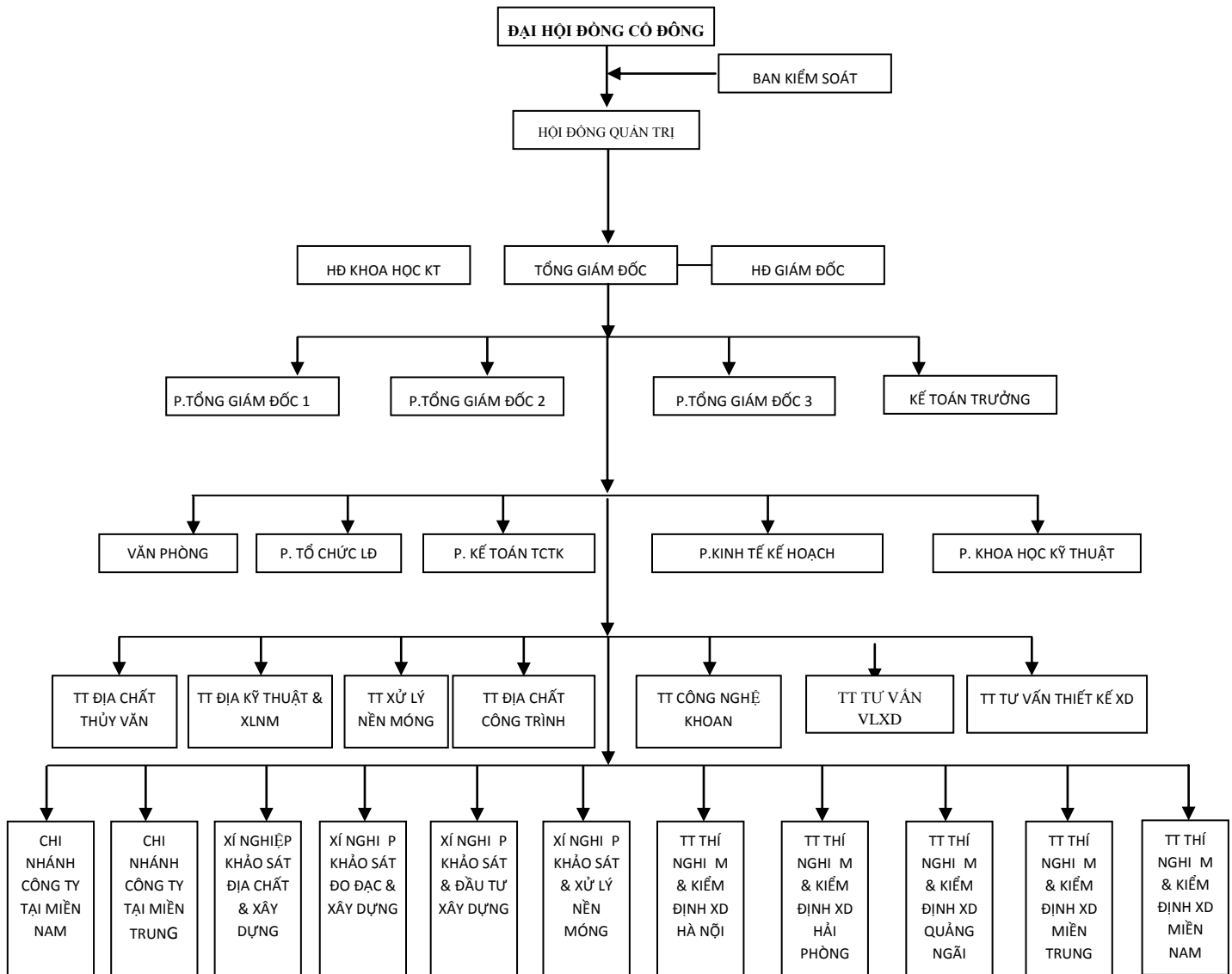
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hiện nay công ty đang cung cấp dịch vụ chủ yếu như sau: Tư vấn khảo sát, thiết kế và xây lắp cho các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, cấp nước, thoát nước và môi trường; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò VLXD, đo đạc địa hình, thăm dò các mỏ kim loại, xử lý nền móng các công trình xây dựng; đầu tư các dự án bất động sản; Tư vấn xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng và công tác thí nghiệm. Cụ thể như sau:

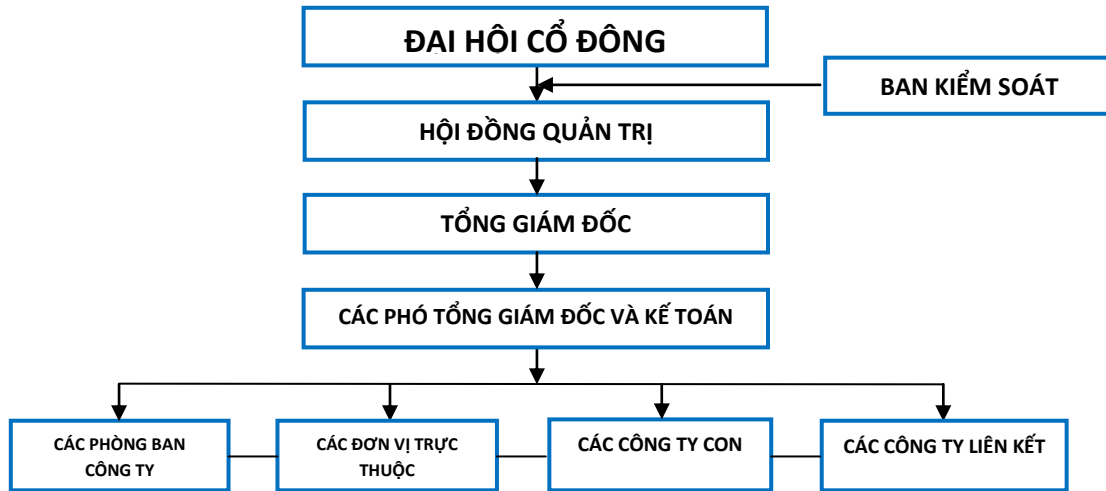
- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
 - Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
 - Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
 - Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
 - Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng.
 - Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải.
- Địa bàn kinh doanh: Hiện tại công ty cung cấp dịch vụ trên địa bàn khắp cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu tổ chức – quản lý Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc: Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc.

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng phụ trách thực hiện công tác tài chính, kế toán thống kê của Công ty.

Các phòng ban chức năng Công ty: Thực hiện các chức năng quản lý theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:

- Phòng Tổ chức.
- Văn phòng Công ty.
- Phòng Kế toán tài chính.
- Phòng Kinh tế Kế hoạch.
- Phòng Khoa học kỹ thuật.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty:

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty. Bao gồm các Trung tâm:

- Trung tâm Địa chất thủy văn
- Trung tâm Địa chất công trình
- Trung tâm Địa kỹ thuật xử lý nền móng.
- Trung tâm Công nghệ khoan
- Trung tâm Xử lý nền móng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế xây dựng

Các Công ty con: Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO trên 50% vốn điều lệ của công ty thành viên.

Các Công ty liên kết: Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO dưới 50 % vốn điều lệ của công ty thành viên.

Các công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty USCO được tổ chức dưới hình thức là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Hiện nay, Công ty có 11 đơn vị thành viên là các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, có con dấu và tài khoản riêng. Các đơn vị trực thuộc của Công ty hiện có trụ sở nằm trên nhiều địa phương trong cả nước. Dựa theo vị trí địa lý, quy mô sản xuất của từng đơn vị, đặc thù vùng miền và ngành nghề kinh doanh, sau khi thực hiện xong cổ phần hóa của Công ty USCO, trong giai đoạn 2015 – 2020, Công ty sẽ tái cơ cấu chuyển đổi một số chi nhánh của Công ty hiện tại thành các Công ty con hoặc Công ty liên kết và đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty. Việc quyết định thành lập các công ty con và công ty liên kết sẽ được xem xét ở từng thời điểm thích hợp và được thông qua Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần USCO và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO, lấy lĩnh vực khảo sát Địa chất công trình, Địa chất thủy văn, Thăm dò VLXD, Đo đạc địa hình, Đo đạc công trình là chính, mở rộng các lĩnh vực khác như Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, Thăm dò các mỏ kim loại, Xử lý nền móng các công trình xây dựng; Đầu tư các dự án bất động sản trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Công ty.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về lãi suất: Trong năm, lãi suất ngân hàng tương đối ổn định và có xu hướng giảm cả chiều huy động và chiều cho vay. Công ty không vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng nên không chịu ảnh hưởng bởi lãi suất cho vay.

- Rủi ro về lạm phát: Tình hình lạm phát trong năm qua tương đối ổn định, giá cả các mặt hàng đầu vào là nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất của Công ty như dầu diezen, bột bentonit, mũi khoan, cần khoan, ống chống, giấy in, mực in... biến động không lớn nên ít gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty

- Biến động về tỷ giá: Công ty có một số hợp đồng ký với nhà đầu tư nước ngoài, có phát sinh ngoại tệ là đồng USD nhưng giá trị không lớn, ít phát sinh, ngoại tệ về bán ngay nên chênh lệch tỷ giá không đáng kể, không có ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí cũng như doanh thu của doanh nghiệp.

- Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Nền kinh tế nói chung có phục hồi nhưng tăng trưởng chậm. Mặt khác, khảo sát địa chất, khảo sát vùng nguyên liệu cho các nhà máy xi măng là lĩnh vực hoạt động chính mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho công ty thì hiện nay Nhà nước đang hạn chế đầu tư nên công ty gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công ăn việc làm.

- Rủi ro về ngành nghề: Công ty vẫn coi khảo sát địa chất, địa hình, khoan thăm dò nguồn nguyên liệu, thí nghiệm mẫu, thí nghiệm vật liệu... là thế mạnh chủ lực. Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp mở thêm các ngành nghề này với giá cả rất thấp tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt nên thị trường của công ty ngày càng thu hẹp. Ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cũng như đời sống của người lao động trong công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a, Đánh giá chung

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được thông qua tại Nghị quyết số 18/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO.

Ngay từ những ngày đầu năm Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch năm. Cán bộ lãnh đạo Công ty, thủ trưởng các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc đều phải quán triệt một tinh thần cao nhất đó là hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, thể hiện những điểm chính sau:

1. Hoàn thành vượt 100% các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

2. Tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo thanh khoản tốt. Chú trọng thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lương, thuế và các khoản nợ khi đến hạn.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh, đúng các quy định về công tác quản lý tài chính; chấp hành tốt các luật thuế, luật bảo hiểm, luật lao động ... *(tuy nhiên một số Chi nhánh do doanh thu thấp đã thực hiện chưa tốt, còn nợ đọng).*

4. Nguồn vốn của doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Chế độ, đời sống, thu nhập của Người lao động được thực hiện đầy đủ và ổn định.

5. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, bảo đảm chất lượng công trình xây dựng và chống thất thoát, lãng phí; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.

6. Công tác kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty đã được thực hiện đồng bộ, thường xuyên ở các phòng ban và các đơn vị trực thuộc. Năm 2019 Công ty đã triển khai công tác quy hoạch, sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ cấp Công ty và các Chi nhánh theo đúng quy định. Các đồng chí được bổ nhiệm từng bước nắm bắt công tác quản lý, tiếp cận thị trường để ổn định điều hành, phát triển sản xuất.

7. Công tác quản trị: Xây dựng hoàn thiện và triển khai tốt các quy chế quản lý, nội quy, quy định nội bộ. Phân công và giao nhiệm vụ cho mỗi cấp rõ ràng, đúng chức trách nhiệm vụ, công tác tổ chức nhân sự ở các phòng và các chi nhánh của Công ty được đánh giá nghiêm túc đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

8. Hệ thống các văn bản, quy định, quy trình được triển khai theo đúng quy định của. Liên tục cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước, quy định của Pháp luật nhằm đáp ứng kịp thời đáp ứng công tác quản lý và điều hành sản xuất.

9. Tích cực đẩy nhanh tiến độ làm thủ tục cấp phép đầu tư các dự án.

b, Những nét chính về kết quả kinh doanh năm 2019

Nhìn chung các lĩnh vực SXKD của Công ty đều phải chịu sự phải cạnh tranh rất lớn, khốc liệt trên thị trường dẫn tới đơn giá bị giảm mạnh, khối lượng công việc phải thực hiện nhiều nên hiệu quả SXKD thấp. Nhưng Công ty đã có rất nhiều nỗ lực cố gắng để vượt qua khó khăn thử thách. Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân người lao động và các khoản trích nộp ngân sách đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực khảo sát, đo đạc: Đạt giá trị sản lượng đạt 77,5 tỷ chiếm 39% giá trị tổng sản lượng, đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty với các hợp đồng khảo sát cho một số dự án như:

Thăm dò đánh giá trữ lượng, chất lượng và lập hồ sơ xin cấp phép khai thác các mỏ: Mỏ đá vôi xi măng Thành Thắng; Mỏ đá vôi Lam Sơn 2 – XM Long Sơn; Mỏ đá Sơn Linh – Ninh

Bình; Khảo sát đá thạch anh làm vật liệu trang trí tại Khu vực Ao Giời, Suối Tiên, Quận Khê, Hạ Hòa, Phú Thọ ...

Khảo sát ĐCCT: Khảo sát bổ sung cho VCG - khu vực 1 Hải Phòng cho dự án bảo vệ an ninh hàng hải Việt Nam - dự án II; Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng, nhà ở dịch vụ thương mại và bãi đỗ xe Chùa Láng.- Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội; Khảo sát ĐCCT khu nhà thấp tầng tại đô thị mới Thanh Lâm, huyện Mê Linh; Nhà máy điện mặt trời Tây Ninh, tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Điện mặt trời Hòn Khô tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Điện mặt trời Hồ Sông Sắt tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận; Khu dân cư Hành chính Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Bệnh viện FV – Tòa nhà H, tại Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; Cải tạo hệ thống điện trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho Trung tâm Giáo dục lao động xã hội Phú Đức tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.....

Khảo sát DCTV: Lập báo cáo hiện trạng và xin giấy phép khai thác nước ngầm Nhà máy nước liên hợp thực phẩm Đông Nam Á công suất 3200m³/ngày; Trạm cấp nước Dương Nội – Hà Đông công suất 30.000m³/ ngày đêm; Thi công bơm thổi rửa 11 giếng khoan Nhà máy nước KCN Quang Minh; Khoan và xây dựng giếng Nhà máy nước Yên Phụ; Sửa chữa khắc phục sự cố 03 giếng tại KCN Thăng Long...

Đo đạc bản đồ: Lập bản đồ địa hình hiện trạng địa hình tỷ lệ 1/500 tại khu vực đất liền khoảng 300 ha dự án Vega City Vân Đồn , xã Vạn Yên - huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh; Lập bản đồ địa hình hiện trạng địa hình tỷ lệ 1/500 tại khu vực 200 ha lấn biển dự án Vega City Vân Đồn , xã Vạn Yên - huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh;

Quan trắc lún công trình: Công trình khách sạn Hạ Long; Khu nhà ở Bộ tư lệnh thủ đô Hà nội; Khu nhà cao tầng X2 Đại Kim; Tòa nhà hỗn hợp Athena Complex Pháp Vân ...

2. Lĩnh vực Thí nghiệm và kiểm định: Đạt giá trị sản lượng 21 tỷ chiếm 11% giá trị tổng sản lượng. Các Trung tâm thí nghiệm và KĐXD đóng trụ sở ở một số địa phương trên cả nước tiếp tục khẳng định được thương hiệu uy tín của mình trên thị trường. Ngoài những công trình do Công ty giao các Trung tâm TN & KĐXD đã chủ động tìm kiếm nguồn công việc để duy trì và ổn định sản xuất.

3. Lĩnh vực xử lý nền móng và xây lắp: Đạt giá trị sản lượng 101 tỷ chiếm 51% giá trị tổng sản lượng. Được thể hiện tại các công trình tiêu biểu sau: Thi công xây dựng hạng mục móng và thân khách sạn Quảng Ninh; Thí nghiệm nén tĩnh cọc Trụ sở công an huyện Ba Vì; Thi công

khoan phụt xử lý chống thấm nền đập và khoan phụt gia cố nền đập, tràn xả lũ dự án Hồ chứa nước Bản Lải Giai Đoạn 1 - Tỉnh Lạng Sơn. Đặc biệt trong năm 2019 Công ty tập trung mọi nguồn lực triển khai thi công dự án: Nâng cao năng lực Cảnh sát biển Vùng 3 tại vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

Những công trình Công ty đã và đang triển khai đều đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng được đối tác tin tưởng đánh giá cao.

- Lĩnh vực đầu tư, XDCB năm 2019:

+) Về đầu tư : Chủ trương của Công ty là xã hội hóa các khoản đầu tư trang thiết bị máy thi công để tăng vai trò làm chủ, tăng ý thức bảo quản, sử dụng tài sản và tìm kiếm công việc để nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong năm công ty đã trực tiếp đầu tư, sửa chữa trụ sở làm việc tại một số đơn vị trực thuộc.

+) Về việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty như sau:

Dự án tại số 5 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội:

Tiếp tục thực hiện Thỏa thuận liên danh ký giữa ba Công ty: Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO, Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (SICO) và Công ty CP Đầu tư – Thiết kế và Xây dựng Việt Nam (VIDEC) đã thành lập Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân để triển khai thực hiện Dự án tại số 5 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Pháp nhân mới Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân, đã và đang thực hiện các thủ tục cần thiết để sớm khởi công dự án. Hiện nay dự án đã hoàn thành công tác khoan khảo sát địa chất công trình, công tác khoan cọc thí nghiệm. Về hồ sơ pháp lý đang tích cực hoàn thiện các nội dung hồ sơ về thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công. Hiện dự án đang chờ Thành phố hướng dẫn các thủ tục về chuyển đất cho dự án.

Dự án Văn phòng, Khu nhà ở công ty Khảo sát và Xây dựng tại Thôn Tứ Kỳ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Thực hiện Nghị Quyết của Đại hội cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị , Công ty đã thống nhất với đối tác thành lập pháp nhân mới để thực hiện Dự án theo quy định:

Pháp nhân mới Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Tứ Kỳ, là đơn vị đứng tên làm chủ dự án đang làm các thủ tục cần thiết cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo quy định. Pháp nhân mới đang trình hồ sơ lên UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương giao dự án cho pháp nhân mới thực hiện.

Dự án tại lô đất số 303 Trịnh Đình Trọng:

Công ty đã ký Hợp đồng nguyên tắc với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị BQP (MHDI) để nghiên cứu triển khai dự án, nay hai bên đang nỗ lực thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư cụ thể:

Ngày 16/3/2018 Công ty USCO có công văn số 97/2018/KSXD/VP, gửi TP Hồ Chí Minh đề nghị xin được giao đất tại số 303 Trịnh Đình Trọng, quận Tân Phú, để thực hiện dự án theo phương án đã được các cấp chấp thuận.

Ngày 30/5/2018 Công ty USCO có công văn số 317/2018/KSXD/VP (công văn lần 2) tiếp tục gửi TP Hồ Chí Minh đề nghị xin được giao đất tại số 303 Trịnh Đình Trọng, quận Tân Phú, để thực hiện dự án theo phương án đã được các cấp chấp thuận.

Dự án xây dựng Văn phòng làm việc : tại khu đất số 226 Trịnh Đình Trọng - TP Hồ Chí Minh, KTT Khảo sát ngõ 32 Phố Viên , phường Đức Thắng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội, HĐQT đã có Nghị quyết thông qua việc lập phương án ĐTXD, hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục cho công tác chuẩn bị đầu tư.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

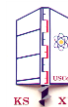
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	TH 2019 (theo BCTC đã được kiểm toán)	Tỷ lệ TH 2019 so với KH 2019
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	150,0	199,43	133 %
2	Tổng giá trị doanh thu	-	135,0	224,33	166 %
3	Lợi nhuận trước thuế	-	5,0	5,0	100 %
4	Nộp NSNN	-	13,5	10,42	77 %
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	65%LNST		
6	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/thg	7,0	7,0	100%

2. Tổ chức và nhân sự

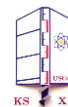
- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng



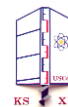
- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/5/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	034072000031
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại	0913517422
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ XDCT Thủy
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 10/1996 – 7/2004	Thí nghiệm viên – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 8/2004 – 12/2009	Phó Giám đốc - TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 01/2010 – 8/2011	Giám đốc – TT Thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 9/2011 - 11/2012	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng kiêm Giám đốc – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 11/2012 - 7/2013	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 8/2013 – 12/2014	Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 01/2015 – nay	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.411.600 cổ phần, chiếm 25,67% VDL. Trong đó: - Cổ phần sở hữu cá nhân là 36.700 CP chiếm 0,67% VDL - Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP: 1.374.900 CP chiếm 25% VDL



1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông: Trần Ngọc Sang	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/3/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	037067000035
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	TT Đại học mỏ địa chất – Cổ Nhuế - Bắc Từ Liêm - HN
-Điện thoại:	0987666889
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất công trình
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/2005	Công tác tại Công ty Tư vấn Xây dựng dân dụng Việt Nam
+ Từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2009	Phó giám đốc XN Khảo sát và KĐXD, Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam
+ Từ tháng 11/2009 đến tháng 7/2010	Giám đốc Trung tâm Địa kỹ thuật và Xử lý nền móng – Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ 08/8/2010 đến 31/12/2014	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO

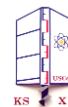


2. Ông: Trần Ngọc Sang	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	40.084 cổ phần, chiếm 0,72% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Ông: Trần Minh Đức	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	27/8/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001077001468
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P302, E6 Phương Mai, Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
-Điện thoại:	0983525060
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất
- Quá trình công tác:	
+ 1/2001 đến tháng 10/2006	<i>Cán bộ kỹ thuật phòng Khoa học kỹ thuật – Công ty Khảo sát và Xây Dựng</i>
+ Từ tháng 11/2006 đến tháng 05/2013	<i>Phó trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng</i>
+ Từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2015	<i>Phó trưởng phòng phụ trách phòng khoa học kỹ thuật- Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng - USCO</i>

3. Ông: Trần Minh Đức	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
+ Từ 05/2015 đến 03/2017	Trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO
+ Từ 01/04/2017 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO kiêm trưởng phòng Khoa học kỹ thuật.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó tổng giám đốc công ty kiêm trưởng phòng KHKT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.900 cổ phần, chiếm 0.03% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

4. Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Chức vụ: Kế toán trưởng
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	4/3/1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025179000435
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P.504C TT Vật liệu Điện, P. Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại	04-39232011
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 11/2003 – 9/2010	Nhân viên Phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng



4. Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Chức vụ: Kế toán trưởng
+ 10/2010 – 3/2015	Phó phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ tháng 4/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ	5.276 cổ phần chiếm 0,096% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2019)

Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	256	100
Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ		
Người đại diện phần vốn của Cty tại Cty Liên kết	1	0,39
Hợp đồng không xác định thời hạn (A)	210	82,0
Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm (B)	44	17,1
Lao động dưới 1 năm	1	0,39
Phân loại theo trình độ lao động	256	100
Trên đại học	14	5,4
Kỹ sư, cử nhân	142	55,4
Cao đẳng	17	6,6
Trung cấp	27	10,5
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	51	19,9
Lao động phổ thông	4	1,05
Phân loại theo giới tính	256	100
Nam	187	73,1
Nữ	69	26,9

Phân loại theo độ tuổi lao động	256	100
Dưới 26	5	0,19
Từ 26 – 30	26	10,1
Từ 31- 35	40	15,6
Từ 36 – 40	69	26,9
Từ 41 – 45	63	24,6
Từ 46 – 50	25	9,2
Từ 51 – 55	15	5,8
Từ 56 – 60	14	5,4
Phân loại theo địa điểm	256	100
Tại các Văn phòng Công ty (gồm VCQL)	41	16,0
Tại chi nhánh (đơn vị trực thuộc, đơn vị SX)	214	83,5
Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty LK (Cty Cổ phần SDC – USCO)	1	0,39

USCO có nguồn nhân lực với chất lượng tương đối cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm trên 50%. Với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Tư vấn khảo sát phục vụ cho xây dựng, USCO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp khoa học – sản xuất và có những điểm mạnh sau:

- Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.

- Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kiến thức và kỹ năng tốt về lĩnh vực khảo sát, xây dựng.

- Hầu hết cán bộ, công nhân viên đều có tâm huyết, gắn bó với Công ty với 80,4% tổng số lao động có hợp đồng không xác định thời hạn. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh, chấp hành tốt kỷ luật lao động, có kỹ năng làm việc tốt.

- Về lao động và trình độ lao động: hiện tại, Công ty có 256 người; trong đó:

- + 187 nam; 69 nữ. 14 cán bộ trên đại học, chiếm 5,4 % /tổng lao động của Công ty. 142 cán bộ đại học, chiếm 55,4% /tổng lao động của Công ty

- + 100 cán bộ cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông, chiếm 39,0% / tổng lao động của Công ty

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp: Hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV tham gia tập huấn, cập nhật các chế độ, chính sách mới, cập nhật công nghệ mới, đào

tạo nâng lương, nâng bậc ... Công ty đã xây dựng được hệ thống thang, bảng lương và đã được phòng Lao động thương binh và xã hội Quận Hoàn Kiếm chấp thuận áp dụng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Xem tại mục II. Tình hình hoạt động trong năm

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính (đơn vị tính đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	203.869.198.716	289.665.776.281	+42,08
Doanh thu thuần	155.980.737.843	224.331.896.442	+43,82
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.607.381.304	5.301.907.658	+46,97
Lợi nhuận khác	1.392.718.459	-301.451.272	-78,36
Lợi nhuận trước thuế	5.000.099.763	5.000.456.386	+0,01
Lợi nhuận sau thuế	3.961.537.653	3.875.725.916	-2,17
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65%LNST	65%LNST	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,31	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)</u>	0,96	0,87	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,79	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,39	3,79	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,39	3,64	

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,77	0,77	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do của cổ đông: 5.279.200 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 220.800 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

• **Cơ cấu cổ đông:**

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước			
Tổ chức	1	3.176.600	57,76
Cá nhân	311	2.323.400	42,24
II. Cổ đông nước ngoài			
Tổ chức	0	0	0
Cá nhân	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ			
Tổng	312	5.500.000	100

• **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
1	Trần Linh Trang	001170008907	Số 08 ngõ Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	564.565	10,26%
2	Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	0100105278	Số 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.	3.176.600	57,76%
Tổng cộng				3.741.165	68,02%

• **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ:**

Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện Cổ phần hóa và không có cổ đông sáng lập tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (12/1/2015).

• **Công ty mẹ: Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ : 243A Đê La Thành – P. Láng Thượng – Q.Đống Đa – Tp.Hà Nội.
 Điện thoại : 84.4) 37 667 463 - 37 667 471
 Giấy CNĐKDN : 0100105278 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 7/10/2016 .
 Hoạt động kinh doanh chính : Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
 Vốn điều lệ : 357.744.480.000 đồng
 Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2017 : 57,76%
 Giá trị vốn góp : 31.766.000.000 đồng

• **Công ty con: Không có**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2019, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2019, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và

dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng điện trong giờ cao điểm.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước máy phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 256 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 7,0 triệu đồng/ng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

Công đoàn Công ty luôn bám sát nhiệm vụ tập trung chỉ đạo các CĐCS trực thuộc thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch được giao. Các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo và tham gia tổ chức các phong trào thi đua sản xuất (nhất là ở các công trình trọng điểm có số lượng cán bộ, công nhân tham gia lớn như: dự án khoan cọc nhồi khách sạn Crystal – Hạ Long; dự án khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công khu đô thị mới Bắc sông Cẩm – Hải Phòng, dự án khoan phụt đập tràn xả lũ tỉnh Lạng Sơn).

Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền hiểu biết kiến thức pháp luật và các quy định của Nhà nước, của Công ty nên năm 2019 mặc dù việc làm, thu nhập của người lao động trong Công ty còn thấp nhưng toàn công ty không để xảy ra đình công, lãn công, khiếu kiện tập thể.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, các công đoàn cơ sở hàng năm thường xuyên tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát. Phong trào văn nghệ, thể thao tại một số đơn vị được duy trì và phát triển đều đặn. Hàng năm Công ty đều tiến hành tổ chức Hội thao, Văn nghệ chào mừng những ngày lễ lớn của đất nước và kỷ niệm ngày thành lập

Công ty (6/10 hàng năm), tạo không khí phấn khởi, thắt chặt tinh đoàn kết, giao lưu giữa CBCNV các đơn vị và được đông đảo CBCNV-LĐ tham gia.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty thường xuyên tổ chức, cử đi tập huấn tại các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn cho đội ngũ cán bộ, công nhân nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề. VD cử CB đi đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề, mở lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức và đăng ký cho người lao động tham gia các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty vận động CBCNV quyên góp ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào các tỉnh Miền Trung bị thiên tai ...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn chung các lĩnh vực SXKD của Công ty năm 2019 đều phải chịu sự phải cạnh tranh lớn, khốc liệt trên thị trường dẫn tới đơn giá bị giảm mạnh, khối lượng công việc phải thực hiện nhiều nên hiệu quả SXKD thấp, nhưng Công ty đã có rất nhiều nỗ lực cố gắng để vượt qua khó khăn thử thách. Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân người lao động và các khoản trích nộp ngân sách đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

1. Lĩnh vực khảo sát, đo đạc: Đạt giá trị sản lượng đạt 77,5 tỷ chiếm 39% giá trị tổng sản lượng, đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty với các hợp đồng khảo sát cho một số dự án như:

Thăm dò đánh giá trữ lượng, chất lượng và lập hồ sơ xin cấp phép khai thác các mỏ: Mỏ đá vôi xi măng Thành Thắng; Mỏ đá vôi Lam Sơn 2 – XM Long Sơn; Mỏ đá Sơn Linh – Ninh Bình; Khảo sát đá thạch anh làm vật liệu trang trí tại Khu vực Ao Giời, Suối Tiên, Quận Khê, Hạ Hòa, Phú Thọ ...

Khảo sát ĐCCT: Khảo sát bổ sung cho VCG - khu vực 1 Hải Phòng cho dự án bảo vệ an ninh hàng hải Việt Nam - dự án II; Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng, nhà ở dịch vụ thương mại và bãi đỗ xe Chùa Láng.- Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội; Khảo sát ĐCCT khu nhà thấp tầng tại đô thị mới Thanh Lâm, huyện Mê Linh; Nhà máy điện mặt trời Tây Ninh, tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Điện mặt trời Hòn Khô tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Điện mặt trời Hồ Sông Sắt tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận; Khu dân cư Hành chính Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Bệnh viện FV – Tòa nhà H, tại Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; Cải tạo hệ thống điện

trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho Trung tâm Giáo dục lao động xã hội Phú Đức tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.....

Khảo sát ĐCTV: Lập báo cáo hiện trạng và xin giấy phép khai thác nước ngầm Nhà máy nước liên hợp thực phẩm Đông Nam Á công suất 3200m³/ngày; Trạm cấp nước Dương Nội – Hà Đông công suất 30.000m³/ ngày đêm; Thi công bơm thổi rửa 11 giếng khoan Nhà máy nước KCN Quang Minh; Khoan và xây dựng giếng Nhà máy nước Yên Phụ; Sửa chữa khắc phục sự cố 03 giếng tại KCN Thăng Long...

Đo đạc bản đồ: Lập bản đồ địa hình hiện trạng địa hình tỷ lệ 1/500 tại khu vực đất liền khoảng 300 ha dự án Vega City Vân Đồn , xã Vạn Yên - huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh; Lập bản đồ địa hình hiện trạng địa hình tỷ lệ 1/500 tại khu vực 200 ha lấn biển dự án Vega City Vân Đồn , xã Vạn Yên - huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh;

Quan trắc lún công trình: Công trình khách sạn Hạ Long; Khu nhà ở Bộ tư lệnh thủ đô Hà Nội; Khu nhà cao tầng X2 Đại Kim; Tòa nhà hỗn hợp Athena Complex Pháp Vân ...

2. Lĩnh vực Thí nghiệm và kiểm định: Đạt giá trị sản lượng 21 tỷ chiếm 11% giá trị tổng sản lượng. Các Trung tâm thí nghiệm và KĐXD đóng trụ sở ở một số địa phương trên cả nước tiếp tục khẳng định được thương hiệu uy tín của mình trên thị trường. Ngoài những công trình do Công ty giao các Trung tâm TN & KĐXD đã chủ động tìm kiếm nguồn công việc để duy trì và ổn định sản xuất.

3. Lĩnh vực xử lý nền móng và xây lắp: Đạt giá trị sản lượng 101 tỷ chiếm 51% giá trị tổng sản lượng. Được thể hiện tại các công trình tiêu biểu sau: Thi công xây dựng hạng mục móng và thân khách sạn tại Quảng Ninh; Thí nghiệm nén tĩnh cọc trụ sở Công an huyện Ba Vì; Thi công khoan phụt xử lý chống thấm nền đập và khoan phụt gia cố nền đập, tràn xả lũ dự án Hồ chứa nước Bản Lái Giai Đoạn 1 - Tỉnh Lạng Sơn. Đặc biệt trong năm 2019 Công ty tập trung mọi nguồn lực triển khai thi công dự án: Nâng cao năng lực Cảnh sát biển Vùng 3 tại vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

Những công trình Công ty đã và đang triển khai đều đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng được đối tác tin tưởng đánh giá cao.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	MCT	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248,583,085,630	161,630,049,731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12,915,637,261	7,199,327,344
1. Tiền	111		12,615,637,261	6,899,327,344
2. Các khoản thanh toán ngắn hạn	112		300,000,000	300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	-
1. Chi phí ngắn hạn kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chi phí kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư ngắn hạn ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139,974,533,742	99,607,983,311
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		64,917,582,689	42,996,569,250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32,380,634,620	6,887,909,892
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch dự án xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		42,676,316,433	49,723,504,169
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiêu xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66,847,365,801	43,130,980,085
1. Hàng tồn kho	141		66,847,365,801	43,130,980,085
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,845,548,826	11,691,758,991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,344,443,071	5,137,928,386
2. Thu GTGT chưa thu	152		13,838,663,872	6,541,012,899
3. Thu và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		662,441,883	12,817,706
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20,707,690,651	21,864,148,985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100,000,000	1,400,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh nội bộ trả trước	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		100,000,000	1,400,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

II. Tài sản cố định	220		13,975,973,270	14,531,349,851
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,919,588,470	13,474,965,051
- Nguyên giá	222		61,340,586,788	60,669,887,244
- Giá tr hao mòn l y k	223		(48,420,998,318)	(47,194,922,193)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá tr hao mòn l y k	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1,056,384,800	1,056,384,800
- Nguyên giá	228		1,056,384,800	1,056,384,800
- Giá tr hao mòn l y k	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá tr hao mòn l y k	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3,115,000	5,488,636
1. Chi phí s n xu t, kinh doanh d dang dài h n	241			-
2. Chi phí xây d ng c b n d dang	242		3,115,000	5,488,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20,375,000,000	20,375,000,000
1. u t vào công ty con	251			
2. u t vào công ty liên k t, liên doanh	252		20,000,000,000	20,000,000,000
3. u t góp v n vào n v khác	253		375,000,000	375,000,000
4. D phòng u t tài chính dài h n	254		-	-
5. u t n m gi n ngày áo h n	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,628,602,381	5,927,310,498
1. Chi phí tr tr c dài h n	261		6,628,602,381	5,927,310,498
2. Tài s n thu thu nh p hoãn l i	262		-	-
3. Thi t b , v t t , ph từng thay th dài h n	263		-	-
4. Tài s n dài h n khác	268		-	-
5. L i th th ng m i	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		269,290,776,281	183,494,198,716

Công ty luôn sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định được phân giao cụ thể đến bộ phận quản lý, sử dụng, hàng kỳ được trích khấu hao đầy đủ theo quy định; cuối kỳ thực hiện kiểm kê xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Các khoản nợ phải thu đều có đối chiếu công nợ, một số khoản phải thu khách hàng từ nhiều năm đã được trích lập dự phòng theo chế độ kế toán hiện hành. Trong kỳ có biến động tăng về hàng tồn kho chủ yếu là chi phí dở dang tại công trình XD bến nâng hạ tàu tại cảng biển tại Phú Quốc do công trình đang thi công dở dang chưa được nghiệm thu bàn giao; các khoản phải thu ngắn hạn khác đây chủ yếu là các khoản tạm ứng mới để mua vật tư thi công trình các công trình mà chưa đến kỳ hạn hoàn tạm ứng theo quy định hoặc do điều kiện thi công ở xa nên các đơn vị chưa hoàn tạm ứng kịp thời.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		229,198,337,305	143,755,981,757
I. Nợ ngắn hạn	310		209,198,337,305	123,755,981,757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		38,700,135,894	14,660,803,445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71,587,954,192	27,102,859,346
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		3,263,973,094	6,342,388,734
4. Phải trả người lao động	314		2,024,858,589	1,526,330,445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31,997,677,887	11,414,761,480
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200,898,182	200,898,182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		52,004,541,953	52,251,926,637
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		8,628,457,665	8,359,089,515
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		789,839,849	1,896,923,973
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		20,000,000,000	20,000,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-

Báo cáo thường niên năm 2019

7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20,000,000,000	20,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	60,467,438,976	60,113,216,959
I. Vốn chủ sở hữu	410	60,467,438,976	60,113,216,959
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	55,000,000,000	55,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	55,000,000,000	55,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1,591,713,060	1,147,201,366
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3,875,725,916	3,966,015,593
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3,875,725,916	3,966,015,593
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	289,665,776,281	203,869,198,716

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Cơ cấu các khoản nợ phải trả chủ yếu là người mua ứng trước tiền công trình như công trình XD bến nâng hạ tàu cảng biển Phú Quốc...; khoản vay dài hạn dùng góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân thực hiện dự án số 5 Lạc Long Quân, các khoản nợ phải trả nhà cung cấp chưa đến hạn thanh toán, các khoản phải trả chi phí khoán công trình cho các trung tâm, tổ, đội thi công.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong kỳ công ty không có nợ phải trả xấu, ngoại tệ ít có chênh lệch tỷ giá hồi đoái nên không có ảnh hưởng lớn.

Chi tiết các khoản phải thu phải trả xin xem chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2019

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị Công ty đã từng bước kiện toàn bộ máy lãnh đạo các phòng ban chức năng; bổ nhiệm mới các chức danh quản lý tại các đơn vị trực thuộc để đáp ứng kịp thời nhu cầu công việc.

- Trong năm Công ty đã tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với mô hình hoạt động mới, rà soát bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ đúng quy định phục vụ công tác giới thiệu bổ nhiệm cán bộ. Cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước đáp ứng nhu cầu sản xuất và công tác quản lý.

- Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục phát huy thế mạnh ngành nghề truyền thống của Công ty đó là khảo sát, đo đạc và thí nghiệm kiểm định, tư vấn quản lý dự. Nghiên cứu thị trường, nắm bắt thời cơ đầu tư đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực xử lý nền móng, xây lắp...

- Tăng cường công tác giao dịch, mở rộng mối quan hệ với các đối tác để tìm kiếm nguồn công việc.

- Giao kế hoạch SX cụ thể, phù hợp tới từng đơn vị, đồng thời thường xuyên theo dõi đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV đồng thời hoàn thiện cơ chế khoán hợp lý hơn để động viên, khuyến khích CBCNV trong công tác tìm kiếm việc làm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các thủ tục cấp phép tại các cơ quan quản lý Nhà nước để triển khai các hợp đồng đã ký kết.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn sâu về lý thuyết và thực tiễn để có thể đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực địa kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.

- Chỉ đạo thi công khoa học để đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.

- Nghiên cứu đưa ra biện pháp để thu hồi công nợ có hiệu quả.

- Chú trọng công tác an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên, góp phần gia tăng giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, linh hoạt, đưa ra biện pháp thi công tối ưu để chỉ đạo thi công các công trình lớn công ty đã ký để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất (đặc biệt dự án tại Hạ Long – Quảng Ninh, Cảnh sát biển vùng 3 Vân Phong – Khánh Hòa).

- Kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý điều hành Công ty để đáp ứng kịp thời trong tình hình mới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 là một năm có nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty CP Khảo sát và Xây dựng-USCO. Nguồn công việc mới về khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định trên thị trường đã ít lại còn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá dẫn đến những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, làm việc khoa học bài bản như Công ty USCO phải chịu nhiều áp lực làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Nhưng với sự đoàn kết một lòng của tập thể lãnh đạo, sự chia sẻ, gắn bó của toàn thể CBCNV toàn Công ty và sự ủng hộ nhiệt tình có hiệu quả của Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng, các bạn hàng, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đã đạt được những kết quả khả quan. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Đảng bộ Công ty đã làm tốt vai trò lãnh đạo mọi mặt, chỉ đạo của tổ chức đảng trong các hoạt động SXKD của Công ty.

Công đoàn Công ty có nhiều hoạt động thể hiện tốt vai trò của tổ chức đoàn thể: Luôn động viên tinh thần người lao động, phối hợp cùng Chuyên môn phát động các phong trào thi đua để nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên và người lao động tạo sự đoàn kết và tin tưởng vào sự ổn định và phát triển của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng đã đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công tác thị trường đã có bước phát triển mạnh và nhiều thành công.

- Trong năm 2019 Công ty đã ký và thực hiện được một số Hợp đồng kinh tế có giá trị cao như công trình tại Lạng Sơn, công trình của Cảnh sát biển vùng 3 Vân Phong – Khánh Hòa. Việc thu hồi công nợ được chú trọng và thu nhiều kết quả. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp. Luôn báo cáo đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ban điều hành đã từng bước phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh gắn gũi với ngành nghề truyền thống góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận.



3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do ĐHĐCĐ giao.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết quyết định của HĐQT.

- Thực hiện công tác thoái vốn của Tổng công ty VNCC theo quy định

- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy định nội bộ phù hợp với đặc thù và thực tế của Công ty.

- Tiếp tục tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc để tăng để tăng tính chủ động đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận cao.

- Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu vẫn là Tư vấn Khảo sát xây dựng đồng thời mở rộng thêm lĩnh vực gắn gũi đó là thiết kế xây dựng, xử lý nền móng (Khoan phụt gia cố, chống thấm. Khoan cọc nhồi, Ép cọc...) và xây dựng hạ tầng, công trình biển, Quốc phòng an ninh.

- Hoàn thiện nhanh các thủ tục pháp lý để triển khai đối với các dự án đầu tư xây dựng.

- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện cơ chế khuyến khích, động viên để người lao động phát huy năng lực và gắn bó với Công ty.

- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông của Công ty.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (chi tiết xin xem trong Báo cáo kiểm toán đính kèm Báo cáo này)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Th.s Nguyễn Trọng Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") trước kia là Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004.

Theo quyết định số 1190/QĐ – BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và 1526/QĐ – BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Surver Construction Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: USCO

Vốn điều lệ của Công ty là: 55.000.000.000 đồng (*Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Vũ Văn Định	Chủ tịch
Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên
Nguyễn Lâm Cường	Thành viên
Trần Linh Trang	Thành viên
Trần Ngọc Sang	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc
Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Thoáng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 102/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Ngọc Khánh, written in a cursive style.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Ngọc Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248.583.085.630	161.630.049.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.915.637.261	7.199.327.344
1. Tiền	111		12.615.637.261	6.899.327.344
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.974.533.742	99.607.983.311
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	64.917.582.689	42.996.569.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	32.380.634.620	6.887.909.892
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	42.676.316.433	49.723.504.169
IV. Hàng tồn kho	140		66.847.365.801	43.130.980.085
1. Hàng tồn kho	141	5.6	66.847.365.801	43.130.980.085
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.845.548.826	11.691.758.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.344.443.071	5.137.928.386
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.838.663.872	6.541.012.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	662.441.883	12.817.706
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.082.690.651	42.239.148.985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	1.400.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.000.000	1.400.000.000
II. Tài sản cố định	220		13.975.973.270	14.531.349.851
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.919.588.470	13.474.965.051
- Nguyên giá	222		61.340.586.788	60.669.887.244
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.420.998.318)	(47.194.922.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.115.000	5.488.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.115.000	5.488.636
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.375.000.000	20.375.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.628.602.381	5.927.310.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	6.628.602.381	5.927.310.498
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		289.665.776.281	203.869.198.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		229.198.337.305	143.755.981.757
I. Nợ ngắn hạn	310		209.198.337.305	123.755.981.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	38.700.135.894	14.660.803.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	71.587.954.192	27.102.859.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.263.973.094	6.342.388.734
4. Phải trả người lao động	314		2.024.858.589	1.526.330.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	31.997.677.887	11.414.761.480
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.898.182	200.898.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	52.004.541.953	52.251.926.637
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	8.628.457.665	8.359.089.515
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		789.839.849	1.896.923.973
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	20.000.000.000	20.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.467.438.976	60.113.216.959
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	60.467.438.976	60.113.216.959
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.713.060	1.147.201.366
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.875.725.916	3.966.015.593
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.875.725.916	3.966.015.593
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.665.776.281	203.869.198.716
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập



Lương Ngọc Sang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	224.331.896.442	155.980.737.843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		224.331.896.442	155.980.737.843
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	200.083.204.327	137.277.819.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.248.692.115	18.702.918.105
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	419.067.375	307.980.559
7. Chi phí tài chính	22	5.21	138.812.134	140.377.845
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.812.134	140.377.845
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	19.227.039.698	15.263.139.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.301.907.658	3.607.381.304
11. Thu nhập khác	31	5.23	6.771.833.359	2.451.327.412
12. Chi phí khác	32	5.23	7.073.284.631	1.058.608.953
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(301.451.272)	1.392.718.459
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.000.456.386	5.000.099.763
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.124.730.470	1.038.562.110
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.875.725.916	3.961.537.653
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	704,68	701,07

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lương Ngọc Sang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.000.456.386	5.000.099.763
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.255.171.125	2.179.131.300
- Các khoản dự phòng	03		-	(181.273.500)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(419.067.375)	(743.376.922)
- Chi phí lãi vay	06		138.812.134	136.778.799
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.975.372.270	6.391.359.440
3. Thay đổi vốn lưu động				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.135.189.218)	(13.605.293.433)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.716.385.716)	28.629.819.140
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		88.184.892.470	(25.235.685.710)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		92.193.432	(4.146.093.735)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(138.812.134)	(136.778.799)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(292.993.013)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		121.363.637	121.363.637
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.050.874.592)	(3.050.874.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.332.560.149	(11.325.177.065)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(697.420.908)	(387.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	425.396.363
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		419.067.375	307.980.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.278.353.533)	345.876.922
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		11.886.434.665	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.617.066.515)	(2.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.607.264.849)	(247.283.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.337.896.699)	(2.247.283.005)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.716.309.917	(13.226.583.148)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.199.327.344	20.425.910.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	12.915.637.261	7.199.327.344

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lương Ngọc Sang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là “Công ty”) trước kia là Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004.

Theo quyết định số 1190/QĐ – BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và 1526/QĐ – BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Survey Construction Joint Stock Company,

Tên Công ty viết tắt: USCO.,

Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2019: 265 người

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán USC.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2019: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty

1. Chi nhánh Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại miền Trung;
2. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
3. Chi nhánh Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
4. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
5. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng;
6. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
7. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
8. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
9. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
10. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
11. Chi nhánh Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung, và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn; theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính thời gian không quá 10 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được khấu hao không quá 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	2.515.224.027	463.489.595
Tiền gửi ngân hàng	10.100.413.234	6.435.837.749
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	300.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Tổng	12.915.637.261	7.199.327.344

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.000.000.000	-
Tổng	10.000.000.000	-

5.3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần AT	6.595.689.000	1.913.810.000
Công ty TNHH Ngọc Minh Quang	7.415.289.000	-
Công ty TNHH MTV đầu tư XD Hoàng Dân	4.926.060.000	-
Trại giam Xuân Nguyên	147.590.000	1.647.590.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	45.832.954.689	39.435.169.250
Tổng	64.917.582.689	42.996.569.250

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Việt Nam	-	600.000.000
Công ty TNHH XD Đường thủy Thái Bình Dương	3.300.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Hải	3.313.103.090	-
Công ty TNHH Móng cọc và Khảo sát Hùng Vương	10.897.335.342	-
Các đối tượng khác	14.870.196.188	6.221.909.892
Tổng	32.380.634.620	6.221.909.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	42.676.316.433	-	49.723.504.169	-
Phải thu người lao động	4.217.989.797	-	3.644.686.844	-
Tạm ứng	37.473.747.082	-	39.285.133.395	-
Các đối tượng khác	984.579.554	-	5.665.884.340	-
Dài hạn	100.000.000	-	1.400.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	1.400.000.000	-
Tổng	42.776.316.433	-	51.123.504.169	-

5.6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	521.708.247	-	534.871.521	-
Công cụ, dụng cụ	159.722.454	-	162.023.054	-
Chi phí SX KDDD	66.150.089.100	-	42.418.239.510	-
Hàng hóa	15.846.000	-	15.846.000	-
Tổng	66.847.365.801	-	43.130.980.085	-

5.7. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	4.344.443.071	5.137.928.386
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	4.344.443.071	5.137.928.386
Dài hạn	6.628.602.381	5.927.310.498
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.982.775.832	5.173.846.193
Giá trị lợi thế kinh doanh	645.826.549	753.464.305
Tổng	10.973.045.452	11.065.238.884

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	34.942.128.530	16.270.801.663	9.133.471.596	323.485.455	60.669.887.244
Tăng trong năm	415.284.544	284.510.000	-	-	699.794.544
Mua trong năm	-	284.510.000	-	-	284.510.000
Đầu tư xây dựng	415.284.544	-	-	-	415.284.544
Giảm trong kỳ	-	29.095.000	-	-	29.095.000
Thanh lý, nhượng bán	-	29.095.000	-	-	29.095.000
Số dư tại 31/12/2019	35.357.413.074	16.526.216.663	9.133.471.596	323.485.455	61.340.586.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	23.995.305.450	14.345.638.260	8.579.655.524	274.322.959	47.194.922.193
Tăng trong năm	814.271.704	353.963.077	67.804.524	19.131.820	1.255.171.125
Khấu hao trong năm	814.271.704	353.963.077	67.804.524	19.131.820	1.255.171.125
Giảm trong năm	-	29.095.000	-	-	29.095.000
Thanh lý, nhượng bán	-	29.095.000	-	-	29.095.000
Số dư tại 31/12/2019	24.809.577.154	14.670.506.337	8.647.460.048	293.454.779	48.420.998.318
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	10.946.823.080	1.925.163.403	553.816.072	49.162.496	13.474.965.051
Tại 31/12/2019	10.547.835.920	1.855.710.326	486.011.548	30.030.676	12.919.588.470

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng tại thời điểm 31/12/2018 là 15.833.935.562 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

5.10. Các khoản Đầu tư dài hạn khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	-	375.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000	-	375.000.000	-
Tổng	20.375.000.000	(*)	20.375.000.000	(*)

(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Bê tông Phú Quý	23.100.000	23.100.000	1.354.235.000	1.354.235.000
Công ty CP Công nghiệp E.Nhất	19.530.580.352	19.530.580.352	-	-
Các đối tượng khác	19.146.455.542	19.146.455.542	13.306.568.445	13.306.568.445
Tổng	38.700.135.894	38.700.135.894	14.660.803.445	14.660.803.445

5.12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty CP đầu tư Thành Thắng GROUP	-	2.000.000.000
Công ty URS Federal Services International, Inc - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	50.181.395.014	-
Công ty TNHH Ngọc Minh Quang	-	8.782.218.000
Các đối tượng khác	17.869.891.178	12.783.973.346
Tổng	71.587.954.192	27.102.859.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2019
Phải nộp	6.342.388.734	7.342.752.797	10.421.168.437	3.263.973.094
Thuế giá trị gia tăng	2.004.839.996	4.004.738.668	3.825.051.320	2.184.527.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.038.562.110	1.258.186.439	2.072.018.079	224.730.470
Thuế thu nhập cá nhân	108.658.675	274.995.572	268.265.158	115.389.089
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.359.265.166	1.425.842.077	3.135.843.559	649.263.684
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	831.062.787	364.990.041	1.105.990.321	90.062.507
Phải thu	12.817.706	12.046.350	661.670.527	662.441.883
Thuế giá trị gia tăng	4.123.431	4.123.431	-	-
Thuế TNCN	771.356	-	-	771.356
Thuế nhà đất	28.880	28.880	346.543	346.543
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.894.039	7.894.039	661.323.984	661.323.984

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	31.997.677.887	11.414.761.480
Chi phí trích trước giá thành công trình	31.997.677.887	11.414.761.480
Tổng	31.997.677.887	11.414.761.480

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	52.004.541.953	52.251.926.637
Kinh phí công đoàn	423.194.140	382.522.261
Bảo hiểm xã hội	2.008.410.138	1.638.320.428
Bảo hiểm y tế	68.975.206	44.878.414
Bảo hiểm thất nghiệp	27.344.839	14.446.098
Phải trả, phải nộp khác	49.476.617.630	50.171.759.436
<i>Phải trả về bảo hành công trình</i>	-	1.437.501.829
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và xây dựng</i> <i>Tứ kỳ</i>	5.000.000.000	-
<i>Phải trả Tổng Công ty Tư vấn</i> <i>Xây dựng Việt Nam</i>	1.917.035.508	1.917.035.508
<i>Phải trả cổ tức</i>	18.048.100	2.095.312.949
<i>Phải trả chi phí khoán công trình</i> <i>cho các đội, trung tâm và phải trả khác</i>	42.541.534.022	44.721.909.150
Tổng	52.004.541.953	52.251.926.637

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG – USCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	8.628.457.665	8.628.457.665	11.886.434.665	11.617.066.515	8.359.089.515	8.359.089.515
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-	9.465.802.815	9.465.802.815	-	-	-
Các đối tượng khác (*)	8.628.457.665	8.628.457.665	2.420.631.850	2.151.263.700	8.359.089.515	8.359.089.515
Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDEA (**)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	28.628.457.665	28.628.457.665	11.886.434.665	11.617.066.515	28.359.089.515	28.359.089.515

Trong đó:

(*) Khoản vay tại Văn phòng Công ty với số tiền 8.628.457.665 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo. Khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên.

Một số khoản vay cá nhân khác thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(**) Hợp đồng vay 104/VIDEC-USCO ngày 18/12/2017, số tiền vay 20 tỷ đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua 2000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư PT Nhà số 5 Lạc Long Quân; Phụ lục gia hạn hợp đồng vay dài hạn đến 18/12/2020.



5.17. **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	55.000.000.000	774.571.366	3.926.867.827	59.701.439.193
Tăng trong năm	-	392.230.000	3.961.537.653	4.353.767.653
Lãi	-	-	3.961.537.653	3.961.537.653
Phân phối lợi nhuận	-	392.230.000	-	392.230.000
Giảm trong năm	-	19.600.000	3.922.389.887	3.922.389.887
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.392.389.887	1.392.389.887
Chia cổ tức	-	-	2.530.000.000	2.530.000.000
Giảm khác	-	19.600.000	-	19.600.000
Số dư tại 31/12/2018	55.000.000.000	1.147.201.366	3.966.015.593	60.113.216.959
Số dư tại 01/01/2019	55.000.000.000	1.147.201.366	3.966.015.593	60.113.216.959
Tăng trong năm	-	444.511.694	3.875.725.916	4.320.237.610
Phân phối lợi nhuận	-	444.511.694	-	444.511.694
Lãi	-	-	3.875.725.916	3.875.725.916
Giảm trong năm	-	-	3.966.015.593	3.966.015.593
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.436.015.593	1.436.015.593
Chia cổ tức	-	-	2.530.000.000	2.530.000.000
Số dư tại 31/12/2019	55.000.000.000	1.591.713.060	3.875.725.916	60.467.438.976

b. **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.766.000.000	31.766.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

c. **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức đã chia	2.530.000.000	2.530.000.000
Phân phối lợi nhuận	1.436.015.593	1.392.389.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

d. **Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	78.394.006.152	94.633.352.967
Doanh thu hoạt động xây lắp	145.937.890.290	61.347.384.876
Tổng	224.331.896.442	155.980.737.843

5.19 **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	76.040.234.337	77.769.460.621
Giá vốn hoạt động xây lắp	124.042.969.990	59.508.359.117
Tổng	200.083.204.327	137.277.819.738

5.20 **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	419.067.375	307.980.559
Tổng	419.067.375	307.980.559

5.21 **Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	138.812.134	136.778.799
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	3.599.046
Tổng	138.812.134	140.377.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý	19.227.039.698	15.263.139.515
Chi phí nhân viên quản lý	9.663.300.035	2.904.372.189
Chi phí vật liệu quản lý	479.324.382	48.955.281
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.627.996	410.600.124
Chi phí khấu hao TSCĐ	765.746.096	883.961.981
Thuế phí và lệ phí	537.135.278	562.115.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.094.266	883.479.354
Chi phí bằng tiền khác	6.265.811.645	9.569.655.548
Tổng	19.227.039.698	15.263.139.515

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	499.604.511
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	435.396.363
Thu nhập cho thuê địa điểm kinh doanh	4.556.677.537	445.396.363
Thu nhập khác	2.215.155.822	1.070.930.175
Tổng	6.771.833.359	2.451.327.412
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, phá dỡ	-	410.073.636
Các khoản phạt và truy thu thuế	118.083.593	-
Lãi chậm nộp BHXH	3.633.498	192.710.788
Chi phí trả tiền thuê nhà	4.350.000.000	-
Chi phí khác	2.601.567.540	455.824.529
Tổng	7.073.284.631	1.058.608.953
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(301.451.272)	1.392.718.459

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.000.456.386	5.000.099.763
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	623.195.964	192.710.788
Chi phí không được khấu trừ	623.195.964	192.710.788
Thu nhập tính thuế	5.623.652.350	5.192.810.551
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.124.730.470	1.038.562.110
Tổng Thuế TNDN phải nộp	1.124.730.470	1.038.562.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.875.725.916	3.961.537.653
Các khoản điều chỉnh		
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL (*)</i>	-	105.678.758
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.875.725.916	3.855.858.895
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	704,68	701,07

(*): Năm 2019, Công ty chưa có Nghị Quyết Đại hội cổ đông về phân phối Lợi nhuận năm 2019 nên số liệu để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa bao gồm khoản giảm do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi.

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.541.445.553	25.457.464.964
Chi phí nhân công	41.781.023.199	27.513.951.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.255.171.125	2.179.131.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.919.988.094	31.588.733.993
Chi phí khác bằng tiền	16.255.019.987	21.260.533.585
Tổng	238.752.647.958	107.999.815.278

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	84.000.000	132.000.000
Ban điều hành	Lương, thưởng	1.188.000.000	1.188.000.000
Tổng		1.272.000.000	1.320.000.000

Số dư với Các bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả khác			
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	1.917.035.508	1.917.035.508

6.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập



Lương Ngọc Sang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

CPAVIETNAM

A member of  **MOORE** *Members in principal cities throughout the world*

Moore Global Network Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:
150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moore-global.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Global Network Limited and managed by Moore Asia Pacific (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn